

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 07 - 2022
*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thanh Nhung

Bà Bùi Việt Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Duy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – C/v kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022. Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2022.

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị S – SN: 1974

Địa chỉ: Thôn 06, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Văn S1 – SN: 1976

Địa chỉ: Thôn 06, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Thôn 04, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/05/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nông Thị S trình bày:

Chị S và anh Dương Văn S1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, chị và anh S1 có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục

tập quán, mời dân làng, hai bên họ hàng đến dự lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống chị và anh S1 chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu và đã có với nhau 02 con chung Dương Thanh T – SN: 15/10/1997, Dương Quang T1 – SN 25/02/2000, nhưng về sau vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, tuy được hai bên gia đình và bạn bè khuyên bảo nhưng anh S1 không thay đổi mà ngày càng thường xuyên chơi bời, nghiện ma túy, về đánh đập chị, không lo làm ăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, năm 2019 anh S1 tiếp tục nghiện ma túy, bị xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh S1 không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn S1.

Về con chung: Chị và anh S1 có 02 con chung là Dương Thanh T – SN: 15/10/1997 và cháu Dương Quang T1 – SN 25/02/2000, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, đều có việc làm tự nuôi bản thân, chị với anh S1 cũng không có con nuôi, con riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/06/2022 bị đơn anh Dương Văn S1 trình bày: Anh và chị S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, anh và chị S có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán, mời dân làng, hai bên họ hàng đến dự lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên do anh sử dụng ma túy nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, đôi lúc nóng giận anh có đánh chị S. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh yêu cầu Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ để cho anh được chăm sóc gia đình nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị Nông Thị S không có con nuôi, con riêng, anh chị chỉ có 02 con chung là Dương Thanh T – SN: 15/10/1997 và cháu Dương Quang T1 – SN 25/02/2000. Trong trường hợp Tòa án cho chị S ly hôn với anh thì tùy vào nguyện vọng của các cháu muốn ở với ai là do quyết định của các cháu.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án xác minh đại diện ban tự quản, hội phụ nữ thôn 06, xã C trình bày: Trong quá trình chị S, anh S1 sinh sống ở địa phương trong thời gian đầu không thấy cãi, chửi nhau tuy nhiên 02 năm gần đây anh S1 chị S phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi, chửi nhau, anh S1 nghiện ma túy phải đi cai nghiện không có thời gian chăm sóc gia đình, vợ con nên nghị Tòa án giải quyết cho chị S và anh S1 theo quy định.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22 tháng 06 năm 2022 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Đối với bị đơn anh Dương Văn S1, Tòa án đã tiến hành ủy thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ nguyên đơn giao nộp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh S1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân không công nhận quan hệ giữa chị Nông Thị S và anh Dương Văn S1 là quan hệ vợ chồng. Về con chung đều đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật gì, tài sản, công nợ chị S, anh S1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nông Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn S1 có nơi cư trú thôn 06, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Dương Văn S1 trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ nguyên đơn giao nộp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh S1 đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị S và anh Dương Văn S1 đều khẳng định chị S và anh S1 về chung sống với nhau từ năm 1996 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. UBND xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nơi chị S, anh S1 tổ chức lễ

cưới và cư trú đến nay, đều xác nhận chị S, anh S1 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị S và anh S1 đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống chị S và anh S1 nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, anh S1 thường hay chơi bời, nghiện ma túy, thường chửi mắng, đánh chị S, không chăm lo gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh, chị ngày càng trầm trọng. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị S, anh S1 không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa chị Nông Thị S và anh Dương Văn S1 là quan hệ vợ chồng là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị S và anh S1 có 02 con chung là Dương Thanh T – SN: 15/10/1997 và Dương Quang T1 – SN 25/02/2000, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, theo xác nhận của chính quyền địa phương thì các cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, chị S và anh S1 cũng không có con nuôi, con riêng, chị S và anh S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Nông Thị S và anh Dương Văn S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án chị Nông Thị S chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nông Thị S, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị S và anh Dương Văn S1.

Về con chung: Dương Thanh T – SN: 15/10/1997 và Dương Quang T1 – SN 25/02/2000, hiện nay đã trên 18 tuổi và hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, có khả năng lao động tự nuôi sống mình, chị S và anh S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị Nông Thị S và anh Dương Văn S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nông Thị S phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*), chị S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp theo biên lai thu số 0010029 ngày 10/05/2022.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính